

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2024/DS-PT
Ngày 19-3-2024
V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Thái

Các Thẩm phán: Ông Vũ Đức Hùng

Ông Đặng Văn Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tuấn là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 228/2023/TLPT-DS ngày 05 tháng 12 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2023/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2024/QĐ-PT ngày 29 tháng 01 năm 2024 và Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 16/TB-TA ngày 22/02/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quang L, sinh năm: 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: A Chung cư H, B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Hoàng Văn Đ, sinh năm: 1992 (Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 07/8/2023 Văn phòng C, Tp .) (Có mặt)

Địa chỉ: Lầu C Tòa nhà văn phòng, số F Hòa Bình, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Tiến M – Luật sư của Công ty L2, Đoàn Luật sư Thành phố H. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Lãng Q, sinh năm: 1970 (Vắng mặt)

Bà Trần Thị L1, sinh năm: 1972 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Q: Ông Phạm Hoàng T, sinh năm: 1977 (Theo Giấy ủy quyền ngày 08/9/2023 của Văn phòng C1, tỉnh Bình Thuận) (Có mặt).

Địa chỉ: 3 P, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người làm chứng*: Bà Trần Thị T1, sinh năm: 1968 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã S, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Do có kháng cáo của: Bị đơn ông Nguyễn Lăng Q và bà Trần Thị L1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn ông Nguyễn Quang L và người đại diện theo ủy quyền ông Hoàng Văn Đ trình bày:

Ngày 01/3/2022, ông L với ông Nguyễn Lăng Q, bà Trần Thị L1 ký kết Hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Theo đó, ông L đặt cọc để nhận chuyển nhượng 52.250m² đất thuộc các thửa 27, 28, 29, 30, tờ bản đồ số 49 tại thôn P, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, giá chuyển nhượng 14.000.000.000 đồng. Ông L đặt cọc 1.500.000.000 đồng, sau đó đặt cọc thêm 3.000.000.000 đồng. Sau khi ông L kiểm tra thông tin quy hoạch, các diện tích đất nhận chuyển nhượng này vướng dự thảo quy hoạch khu công nghiệp.

Ngày 13/4/2022, ông L và ông Q, bà L1 gặp nhau, thỏa thuận trả lại tiền cọc đất, ghi nhận nội dung kể từ ngày lập thỏa thuận, ông Q, bà L1 trả lại tiền cọc, nếu sai hẹn thì chịu đền cọc với số tiền 18.000.000.000 đồng. Đến thời hạn, ông Q, bà L1 không thực hiện theo thỏa thuận, không trả tiền cọc. Ngày 11/4/2023, ông L có đến nhà để yêu cầu giải quyết dứt điểm vụ việc, nhưng ông Q, bà L1 không hợp tác. Ông L có tiến hành lập vi bằng nội dung sự việc.

Ông L yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã La Gi chấm dứt hợp đồng đặt cọc ngày 01/3/2022 giữa ông L và ông Q, bà L1. Buộc ông Q, bà L1 phải trả lại 4.500.000.000 đồng tiền cọc và bồi thường 13.500.000.000 đồng. Tổng cộng 18.000.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, phía nguyên đơn yêu cầu buộc ông Q, bà L1 phải liên đới trả lại 4.500.000.000 đồng tiền cọc và bồi thường 13.500.000.000 đồng. Tổng cộng 18.000.000.000 đồng.

* Bị đơn ông Nguyễn Lăng Q, bà Trần Thị L1 và ông Phạm Hoàng T (đại diện theo ủy quyền của ông Q) đã được triệu tập hợp lệ, nhưng đều vắng mặt trong quá trình tố tụng.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Lăng Q, bà Trần Thị L1 phải liên đới trả cho ông Nguyễn Quang L số tiền 4.500.000.000 đồng tiền cọc và bồi thường số tiền 13.500.000.000 đồng. Tổng

cộng 18.000.000.000 đồng. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 153/2023/QĐ-BPKCTT ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận về việc “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” để đảm bảo thi hành án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2023/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi quyết định:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 116, 117, 119, 328, 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang L về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc” đối với ông Nguyễn Lăng Q, bà Trần Thị L1Liên.

Buộc ông Nguyễn Lăng Q, bà Trần Thị L1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Quang L số tiền đặt cọc là 4.500.000.000 đồng và bồi thường số tiền 13.500.000.000 đồng, tổng cộng: 18.000.000.000 (mười tám tỷ) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 153/2023/QĐ-BPKCTT ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

3. Án phí:

- Ông Nguyễn Quang L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H lại cho ông L số tiền 63.000.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Biên lai số 0016651 ngày 08/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi.

- Ông Nguyễn Lăng Q, bà Trần Thị L1 phải chịu 126.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên các quy định khác về quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/11/2023, bị đơn ông Nguyễn Lăng Q và bà Trần Thị L1 kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết lại toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: ông Nguyễn Quang L rất có thiện chí cho việc thỏa thuận, đã nhiều lần gặp bị đơn là vợ chồng ông Nguyễn Lăng Q và bà Trần Thị L1 để yêu cầu trả lại số tiền đã nhận cọc và cho thời gian để hoàn trả nhưng phía bị đơn cố tình không trả, tại phiên tòa cũng mong muốn thỏa thuận nhưng cũng không hợp tác nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện theo ủy quyền bị đơn trình bày: Tòa án nhân dân thị xã La Gi là nơi có bất động sản thụ lý và giải quyết vụ án là không đúng thẩm quyền xét xử, phải xác định nơi bị đơn cư trú là Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân mới đúng thẩm quyền giải quyết vụ án. Vụ án xác định bị đơn là ông Nguyễn Lăng Q, bà Trần Thị L1 và người đại diện theo ủy quyền là Nguyễn Hoàng T2 nhưng không được tổng đạt các văn bản tố tụng, không nhận được các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó, việc xét xử của Tòa án nhân dân thị xã La Gi là vi phạm tố tụng nghiêm trọng, đề nghị cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân để xét xử lại theo đúng thẩm quyền.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận phát biểu việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong vụ án:

+ Về thủ tục: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đối với yêu cầu kháng cáo của bà Trần Thị L1, Tòa án đã triệu tập họp lệ 02 lần nhưng bà vắng mặt không lý do và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định. Đối với yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Lăng Q không có căn cứ chấp nhận, đề nghị giữ Hội đồng xét xử nguyên bản án sơ thẩm số 66/2023/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

Theo đơn kháng cáo bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị xem xét các tài liệu chứng cứ của vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền bị đơn trình bày thêm nội dung kháng cáo liên quan đến thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân thị xã La Gi là không đúng và vi phạm tố tụng về tổng đạt triệu tập đương sự làm ảnh hưởng quyền lợi của bị đơn khi tham gia vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Xét thấy đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Lăng Q và bà Trần Thị L1 trong thời hạn luật định và đã thực hiện việc nộp tạm ứng án phí phúc thẩm

theo quy định tại khoản 1 Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.1] Về thủ tục kháng cáo tại cấp phúc thẩm: Tòa án cấp phúc thẩm tổng đạt cho đương sự có kháng cáo ông Nguyễn Lăng Q và bà Trần Thị Liên hợp 1, lần thứ nhất vào ngày 31/01/2024 (theo quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 26/02/2024). Ngày 22/02/2024, Tòa án cấp phúc thẩm ban hành thông báo về thay đổi thời gian mở phiên tòa do có đơn xin hoãn phiên tòa của người đại diện theo ủy quyền của ông Q là ông Phạm Hoàng T xin hoãn phiên tòa xét xử ngày 26/02/2024; Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai ngày 23/02/2024 (tổng đạt thông báo mở lại phiên tòa vào ngày 19/3/2024), tại phiên tòa phúc thẩm bà Trần Thị L1 vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt được xem như bà L1 từ bỏ kháng cáo nên hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà L1.

[1.2] Đối với ông Nguyễn Lăng Q có đơn đề nghị hoãn phiên tòa xét xử lần 2 ngày 19/3/2024, lý do bận công việc đột xuất, tuy nhiên tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Hoàng T2 có mặt và đề nghị giải quyết theo quy định. Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử do có mặt đại diện theo ủy quyền bị đơn có kháng cáo.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Lăng Q, bà Trần Thị L1 đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, bị đơn từ chối nhận văn bản tài liệu của Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của ông Q là ông Nguyễn Hoàng T2 cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ thể hiện tại phiếu báo hoàn phát (Bút lục 222), quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm bị đơn, đại diện theo ủy quyền bị đơn không có mặt và không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định.

[3] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn hoàn trả 4.500.000.000 đồng tiền cọc và bồi thường 13.500.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp “*Tranh chấp hợp đồng đặt cọc*” là đúng quan hệ tranh chấp.

[4] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Các đương sự thực hiện giao dịch hợp đồng đặt cọc đối với các thửa đất thuộc xã T, thị xã L để đảm bảo cho việc giao kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nơi có bất động sản liên quan đến hợp đồng đặt cọc. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã La Gi đã áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[5] Ông Nguyễn Quang L khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Lăng Q và bà Trần Thị L1 trả số tiền đặt cọc 4.500.000.000 đồng và bồi thường số tiền 13.500.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông Nguyễn Quang L có cung cấp hợp đồng đặt cọc và thỏa thuận trả lại tiền cọc đất đều có chữ ký, chữ viết và dấu lăn tay của ông L, ông Q và bà L1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn thừa nhận vào ngày 01/3/2022, giữa ông L và vợ chồng ông Q, bà L1 ký hợp đồng đặt cọc về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với diện tích 52.250m² đất thuộc các thửa 27, 28, 29, 30, tờ bản đồ số 49 tại thôn P, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận với giá chuyển nhượng 14.000.000.000 đồng và ông L đã nhận tiền đặt cọc lần 1 với số tiền 1.500.000.000 đồng. Ngày 15/3/2022, ông L giao thêm tiền đặt cọc lần 2 với số tiền 3.000.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền vợ chồng ông Q và bà L1 đã nhận đặt cọc của ông L với số tiền là 4.500.000.000 đồng. Ngoài ra, đại diện theo ủy quyền bị đơn cũng thừa nhận sau khi ông L thông báo đất bị vướng quy hoạch, ngày 13/4/2022 vợ chồng ông Q, bà L1 có ký văn bản thỏa thuận trả lại tiền cọc đất với nguyên đơn, với nội dung “*bên A (bên bán) đồng ý trả lại tiền cọc. Bên B (bên mua) đồng ý nhận tiền cọc. Thời gian trả tiền cọc trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký, sai hẹn đền cọc 18 tỉ*”.

Mặc dù đại diện theo ủy quyền bị đơn thừa nhận vợ chồng ông Q và bà L1 ký vào cam kết trả cọc và đền cọc tại giấy thỏa thuận ngày 13/4/2022 nhưng ông khai nại ông Q, bà L1 không thực hiện trả tiền cho ông L được lý do sau khi nhận tiền ông Q đã trả nợ vào ngân hàng để làm thủ tục nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để chuyển nhượng cho nguyên đơn, việc nguyên đơn cho rằng vướng quy hoạch là không có cơ sở và hiện nay bị đơn có thể làm thủ tục chuyển nhượng cho nguyên đơn các thửa đất trên.

Quá trình xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn mong muốn bị đơn ông Q, bà L1 sớm trả lại tiền đã nhận cọc thì xem xét phần cam kết bồi thường chỉ tính lãi suất, người đại diện theo ủy quyền của ông Q là ông Phạm Hoàng T đề nghị phiên tòa tạm nghỉ để ông trao đổi với ông Q để thỏa thuận giải quyết vụ án, sau khi thông tin trao đổi, ông không thống nhất được nội dung thỏa thuận và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, tại Hợp đồng đặt cọc ngày 01/3/2022 có nội dung: “*Bên B (ông L) đi test (kiểm tra) quy hoạch và ... vướng quy hoạch thì đền cọc*”, ông L đã tự kiểm tra quy hoạch và thông báo lại cho ông Q, bà L1 nên ngày 13/4/2022 ông L và vợ chồng ông Q, bà L1 đã lập thỏa thuận trả lại tiền cọc đất, “*bên A (bên bán) đồng ý trả lại tiền cọc. Bên B (bên mua) đồng ý nhận tiền cọc. Thời gian trả tiền cọc trong vòng 45 ngày kể từ ngày ký, sai hẹn đền cọc 18 tỉ*”. Hết thời hạn theo thỏa thuận, vợ chồng ông Q, bà L1 không thực hiện đúng cam kết là trả tiền cọc như đã cam kết tại văn bản thỏa thuận.

Việc bị đơn ông Nguyễn Lăng Q, bà Trần Thị L1 đã nhận tiền cọc từ ông Nguyễn Quang L với số tiền 4.500.000.000 đồng và cam kết bồi thường nếu không thực hiện phát sinh thỏa thuận phạt vi phạm được thể hiện tại văn bản thỏa thuận ngày 13/4/2022, vợ chồng ông Q, bà L1 không thực hiện cam kết đã vi phạm nghĩa vụ theo nội dung thỏa thuận nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu phải thực hiện theo thỏa thuận trên và được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có căn cứ.

[6] Từ những chứng cứ trên, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Nguyễn Lăng Q, Hội đồng xét xử nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp

nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang L, buộc ông Nguyễn Lăng Q và bà Trần Thị L1 phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Quang L số tiền đặt cọc là 4.500.000.000 đồng và bồi thường số tiền 13.500.000.000 đồng là có căn cứ.

Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Bình Thuận về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã La Gi.

[7] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Lăng Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Đối với kháng cáo bà Trần Thị L1 bị đình chỉ xét xử phúc thẩm nên tạm ứng án phí phúc thẩm sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 308, khoản 2 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Lăng Q. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 66/2023/DS-ST ngày 17 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Trần Thị L1.

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 38, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 116, 117, 119, 328, 418, 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quang L đối với bị đơn ông Nguyễn Lăng Q và bà Trần Thị L1 về việc “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc”.

Buộc ông Nguyễn Lăng Q, bà Trần Thị L1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Quang L số tiền đặt cọc là 4.500.000.000 đồng và bồi thường số tiền 13.500.000.000 đồng, tổng cộng: 18.000.000.000 (mười tám tỷ) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy

định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời tại Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 153/2023/QĐ-BPKCTT ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Quang L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H lại cho ông L số tiền 63.000.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại Biên lai số 0016651 ngày 08/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi.

- Ông Nguyễn Lăng Q, bà Trần Thị L1 phải chịu 126.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Lăng Q phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai số 0016878 ngày 10/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi.

- Sung quỹ nhà nước đối với số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Trần Thị L1 đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng phúc thẩm số 0016879 ngày 10/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (19/3/2024).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND thị xã La Gi;
- Chi cục THADS thị xã La Gi;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Thái